

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 38
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê tài sản;

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm tại ngày 08/8/2022
Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm tại ngày 23/6/2022
		Miễn nhiệm tại ngày 08/8/2022
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm tại ngày 23/6/2022
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Mỹ

Số : 226/2022/BCSX/AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc**



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thụy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namvietnh.vn / Web: www.aascn.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		182.318.255.841	386.408.281.217
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	865.531.569	288.005.943
1.	Tiền	111		865.531.569	288.005.943
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	38.650.740.000	38.650.740.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		38.650.740.000	38.650.740.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.015.710.410	260.778.861.085
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	39.371.744.625	13.742.793.228
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.657.390.130	216.177.118.568
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	48.448.177.705	39.319.220.500
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(8.461.602.050)	(8.460.271.211)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	60.496.581.793	86.512.880.494
1.	Hàng tồn kho	141		60.496.581.793	87.994.922.106
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(1.482.041.612)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		289.692.069	177.793.695
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	172.081.288	117.697.153
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		117.610.779	60.096.542
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.910.499.033.728	2.491.186.147.072
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		67.842.230.000	50.431.230.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	67.842.230.000	50.431.230.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.06	-	-
II.	Tài sản cố định	220		120.626.004	103.444.583
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	120.626.004	103.444.583
	- Nguyên giá	222		9.091.747.272	9.060.838.181
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.971.121.268)	(8.957.393.598)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	1.412.080.000	1.412.080.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.412.080.000	1.412.080.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	2.840.804.970.094	2.439.150.199.395
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2.355.165.847.297	1.965.165.847.297
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		538.457.137.647	534.957.137.647
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.820.244.536	2.020.244.536
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(55.638.259.386)	(62.993.030.085)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		319.127.630	89.193.094
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	319.127.630	89.193.094
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.092.817.289.569	2.877.594.428.289

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		990.759.768.479	777.447.683.513
I.	Nợ ngắn hạn	310		617.286.219.374	358.048.054.216
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	139.770.178.515	97.329.181.248
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	341.124.395.998	168.683.298.211
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	953.761.760	887.681.816
4.	Phải trả người lao động	314		1.243.273.702	1.892.815.860
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	473.746.047	5.107.880.106
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	108.107.951	324.323.861
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.678.495.732	1.352.492.998
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	130.218.741.209	81.754.861.656
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		373.473.549.105	419.399.629.297
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn		V.13	176.079.999.936	222.931.080.130
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	153.132.500	153.132.500
11.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341	V.11	197.240.416.669	196.315.416.667
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.102.057.521.090	2.100.146.744.776
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.102.057.521.090	2.100.146.744.776
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.721.683.671	3.721.683.671
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.335.887.419	97.425.111.105
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		97.425.111.105	85.869.059.228
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.910.776.314	11.556.051.877
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.092.817.289.569	2.877.594.428.289

Người lập biểu



Lê Thị Tươi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Mỹ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	594.129.662.765	410.823.121.677
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	1.178.545
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		594.129.662.765	410.821.943.132
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	583.336.964.668	398.343.659.875
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.792.698.097	12.478.283.257
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3.501.335.605	2.515.960.186
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.321.622.798	1.557.712.184
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.676.362.115	2.187.638.488
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	300.399.654	2.112.284.737
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	8.215.317.001	4.643.175.042
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(543.305.751)	6.681.071.480
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	2.511.404.166	95.628.660
12.	Chi phí khác	32	VI.07	57.322.101	188.100
13.	Lợi nhuận khác	40		2.454.082.065	95.440.560
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.910.776.314	6.776.512.040
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	129.640
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.910.776.314	6.776.382.400

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Tươi



Nguyễn Thị Vân Anh



Nguyễn Ngọc Mỹ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.910.776.314	6.776.512.040
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		13.727.670	-
-	Các khoản dự phòng	03		(8.835.481.472)	(629.926.304)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		31.382	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.501.335.605)	(2.515.960.186)
-	Chi phí lãi vay	06		13.676.362.115	2.187.638.488
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		3.264.080.404	5.818.264.038
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		161.293.305.597	(41.730.000.369)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		27.498.340.313	(31.273.444.980)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		164.030.755.839	(108.813.729.156)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(284.318.671)	(46.555.348)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(12.858.912.541)	(2.294.475.696)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		342.943.250.941	(178.339.941.511)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(30.909.091)	(706.040.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(394.300.000.000)	(72.135.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	242.485.359.720
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.501.335.605	2.515.960.186
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(390.829.573.486)	172.160.279.906

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		115.779.508.105	43.205.150.309
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(67.315.628.552)	(37.387.179.799)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		48.463.879.553	5.817.970.510
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		577.557.008	(361.691.095)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		288.005.943	574.721.035
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(31.382)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		865.531.569	213.029.940

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Tươi

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Ngọc Mỹ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê tài sản;

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	83,01	83,01	60,00
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	92,72	92,72	92,72
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	82,75	82,75	82,75
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,00	80,00	80,00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	72,50	72,50	72,50
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	Số 79 đường Violet, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, Lào Cai	91,10	91,10	91,10
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	74,39	74,39	74,39
- Danh sách các công ty liên kết:				
Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ (%)	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	100,00	40,00	40,00
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	Tầng 3, số 108 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	26,10	26,10	26,10
Công ty Cổ phần Sao đỏ Tây Nguyên	Số 583 Võ văn Kiệt, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	20,00	20,00	20,00

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 61 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 53 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty là Công ty mẹ của các Công ty con. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	865.531.569	288.005.943
+ Tiền mặt	70.946.373	21.654.399
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	794.585.196	266.351.544
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u><u>865.531.569</u></u>	<u><u>288.005.943</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	38.650.740.000	-	38.650.740.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	38.650.740.000	(*)	38.650.740.000	(*)
Cộng	38.650.740.000		38.650.740.000	

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty con	2.355.165.847.297	(55.603.340.543)	1.965.165.847.297	(62.958.111.242)
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	526.229.816.420	-	136.229.816.420	-
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	128.880.000.000	-	128.880.000.000	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	222.195.382.508	(55.202.254.904)	222.195.382.508	(62.557.025.603)
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel	402.048.369	(401.085.639)	402.048.369	(401.085.639)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	580.000.000.000	-	580.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	719.670.600.000	-	719.670.600.000	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	177.788.000.000	-	177.788.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	538.457.137.647	(34.674.307)	534.957.137.647	(34.674.307)
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	-	110.250.000.000	-
+ Công ty Cổ phần W&B Alphanam	120.000.000	(34.674.307)	120.000.000	(34.674.307)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	424.287.137.647	-	424.287.137.647	-
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyễn	3.800.000.000	-	300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	2.820.244.536	(244.536)	-	2.020.244.536	(244.536)	-
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Bắc	800.000.000	-	(*)	-	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565	244.536	(244.536)	(*)	244.536	(244.536)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	2.020.000.000	-	(*)	2.020.000.000	-	(*)
Cộng	2.896.443.229.480	(55.638.259.386)	579.086.247.000	2.502.143.229.480	(62.993.030.085)	220.755.066.00

Giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam E&C được xác định trên cơ sở giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 30/6/2022 được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

Tên Công ty con, Công ty liên kết, Các khoản đầu tư khác	Vốn góp tại Công ty được đầu tư (VND)	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VND)	Quyền biểu quyết trực tiếp (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty con					
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	652.000.000.000	541.202.100.000	83,01	83,01	Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	139.000.000.000	128.880.000.000	92,72	92,72	Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa thang máy
+ Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	223.877.000.000	185.256.990.000	82,75	82,75	Đầu tư kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel	402.048.369	402.048.369	80,00	100,00	Trong kỳ không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	800.000.000.000	580.000.000.000	72,50	72,50	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	790.000.000.000	719.670.600.000	91,10	91,10	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	239.000.000.000	177.788.000.000	74,39	74,39	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
2. Công ty liên kết					
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	35,00	35,00	Sản xuất sơn
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	120.000.000	40,00	100,00	Công ty đã dừng hoạt động và đã đóng mã số thuế
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	600.000.000.000	156.600.000.000	26,10	26,10	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	3.800.000.000	3.800.000.000	20,00	20,00	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	39.371.744.625	(7.649.724.050)	13.742.793.228	(7.648.393.211)
- Công ty Cổ phần Thang máy Fujialpha	11.322.313.473	-	-	-
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	532.618.850	-	2.472.618.850	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	9.924.693.321	-	-	-
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	8.853.408.540	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	8.738.710.441	(7.649.724.050)	11.270.174.378	(7.648.393.211)
<i>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	39.371.744.625	(7.649.724.050)	13.742.793.228	(7.648.393.211)
04. Trả trước cho người bán				
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty TNHH thiết bị bảo vệ và phát triển công nghệ cao Khai Hoàn			2.657.390.130	216.177.118.568
- Công ty TNHH TOTO Việt Nam			771.878.000	771.878.000
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam			8.217.778	170.039.917
- Công ty Cổ phần Virex			-	214.444.573.312
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác			821.688.869	790.627.339
1.055.605.483			1.055.605.483	
<i>b. Trả trước cho người bán dài hạn</i>				
-			-	-
Cộng			2.657.390.130	216.177.118.568

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	48.448.177.705	-	39.319.220.500	-
- Tạm ứng	9.857.024	-	20.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.500.000	-	1.500.000	-
- Phải thu khác ngắn hạn	48.424.820.681	-	39.317.700.500	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa	33.828.350.000	-	27.473.350.000	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	11.822.000.000	-	9.072.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	2.774.470.681	-	2.772.350.500	-
b. Dài hạn	67.842.230.000	-	50.431.230.000	-
- Phải thu khác dài hạn	67.842.230.000	-	50.431.230.000	-
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	67.842.230.000	-	50.431.230.000	-
Cộng	116.290.407.705	-	89.750.450.500	-

06. Các khoản dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khách hàng	(7.649.724.050)	(7.648.393.211)
- Dự phòng trả trước cho người bán	(811.878.000)	(811.878.000)
Cộng	(8.461.602.050)	(8.460.271.211)

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.583.800	-	14.583.800	-
- Công cụ, dụng cụ	12.244.900	-	12.244.900	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.652.969.596	-	8.053.976.331	-
- Hàng hoá	46.816.783.497	-	79.914.117.075	(1.482.041.612)
Cộng	60.496.581.793	-	87.994.922.106	(1.482.041.612)

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	1.412.080.000	1.412.080.000
- Xây dựng cơ bản	1.412.080.000	1.412.080.000
Cộng	1.412.080.000	1.412.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.616.262.797	417.911.681	9.060.838.181
- Mua trong kỳ	-	-	30.909.091	-	30.909.091
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.647.171.888	417.911.681	9.091.747.272
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.553.046.395	377.683.500	8.957.393.598
- Khấu hao trong kỳ	-	-	9.493.122	4.234.548	13.727.670
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.683.375.226	1.343.288.477	4.562.539.517	381.918.048	8.971.121.268
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	63.216.402	40.228.181	103.444.583
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	84.632.371	35.993.633	120.626.004

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 8.947.550.000 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	172.081.288	117.697.153
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	3.393.331
- Chi phí bảo hiểm sức khỏe	102.842.703	24.349.600
- Các khoản khác	69.238.585	89.954.222
b. Chi phí trả trước dài hạn	319.127.630	89.193.094
- Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	138.406.665	55.726.947
- Phí quản lý cổ đông trái phiếu	150.000.002	-
- Các khoản khác	30.720.963	33.466.147
Cộng	491.208.918	206.890.247

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	81.754.861.656	81.754.861.656	115.779.508.105	67.315.628.552	130.218.741.209	130.218.741.209
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>81.254.091.656</i>	<i>81.254.091.656</i>	<i>115.779.508.105</i>	<i>67.115.628.552</i>	<i>129.917.971.209</i>	<i>129.917.971.209</i>
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	64.054.091.656	64.054.091.656	43.696.508.105	49.915.628.552	57.834.971.209	57.834.971.209
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt ^(b)	-	-	54.883.000.000	-	54.883.000.000	54.883.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình ^(c)	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000	17.200.000.000
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>500.770.000</i>	<i>500.770.000</i>	-	<i>200.000.000</i>	<i>300.770.000</i>	<i>300.770.000</i>
+ Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000	40.000.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000	-	-	260.770.000	260.770.000
+ Công ty Cổ phần Hermels	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	196.315.416.667	196.315.416.667	925.000.002	-	197.240.416.669	197.240.416.669
- <i>Trái phiếu thường</i>	<i>196.315.416.667</i>	<i>196.315.416.667</i>	<i>925.000.002</i>	-	<i>197.240.416.669</i>	<i>197.240.416.669</i>
+ Loại phát hành theo mệnh giá ^(d)	196.315.416.667	196.315.416.667	925.000.002	-	197.240.416.669	197.240.416.669
Cộng	278.070.278.323	278.070.278.323	116.704.508.107	67.315.628.552	327.459.157.878	327.459.157.878



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- (a): Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2021/231354 ngày 20 tháng 7 năm 2021, với mục đích vay để thanh toán khoản phải trả nhà cung cấp của hợp đồng mua phát sinh trong kỳ. Hạn mức tín dụng là 95.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng, lãi suất vay 7,5%/năm.
- (b): Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng số 0242-2022-HDDTD1-BVB005 ngày 11 tháng 6 năm 2022, với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây dựng, kinh doanh thiết bị vệ sinh, vật liệu xây dựng. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất vay là 6,8%/năm. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.
- (c): Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng số 02/2022/HĐTĐ-ĐB-CCGTCG-DN/SHB.111100 ngày 19 tháng 01 năm 2022, với mục đích vay để thanh toán tiền hàng theo hợp đồng số 642/2021/HĐMS.ALP-DELTA ngày 01/12/2021. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 17.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất vay là 7,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.
- (d): Là khoản trái phiếu được phát hành riêng lẻ theo phương thức đại lý phát hành. Mục đích để thực hiện chương trình, dự án đầu tư với Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á để triển khai xây dựng khu căn hộ No02 có diện tích 33.642,77m2 thuộc dự án Khu đô thị Mường Hoa, Sa Pa do Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên Văn hóa Mường Hoa và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á làm chủ đầu tư. Thời hạn trái phiếu 5 năm, lãi suất là 10,5%/năm.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	139.770.178.515	139.770.178.515	97.329.181.248	97.329.181.248
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	38.866.551.468	38.866.551.468	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	79.957.644	79.957.644	179.957.644	179.957.644
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	12.174.357.603	12.174.357.603	21.669.357.603	21.669.357.603
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vinacon	-	-	33.516.374.983	33.516.374.983
- Công ty TNHH Thương mại xây dựng và lắp đặt ZETA	64.771.506.486	64.771.506.486	11.516.117.073	11.516.117.073
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	6.421.445.454	6.421.445.454	12.991.014.085	12.991.014.085
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	139.770.178.515	139.770.178.515	97.329.181.248	97.329.181.248

Trong đó:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860
Cộng	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860	17.456.359.860

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Người mua trả tiền trước

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	341.124.395.998	168.683.298.211
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	78.408.155.155	10.605.043.405
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Gamma	45.408.492.950	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hoa Anh Đào	73.743.909.957	-
- Công ty Cổ phần Hùng Tiên Kim Sơn	8.344.156.215	26.417.839.928
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Beta	40.113.354.984	-
- Công ty TNHH MTV Gama	94.512.762.518	130.000.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	593.564.219	1.660.414.878
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	176.079.999.936	222.931.080.130
- Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng và Cảnh quan Fanxipăng	129.399.999.936	128.631.080.130
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	46.680.000.000	94.300.000.000
Cộng	517.204.395.934	391.614.378.341

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Số phải nộp đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã thực nộp trong kỳ</i>	<i>Số tiền phải thu cuối kỳ</i>	<i>Số phải nộp cuối kỳ</i>
- Thuế GTGT đầu ra	714.468.326	3.530.581.325	4.245.049.653	2	-
- Thuế thu nhập cá nhân	173.213.490	1.218.560.745	438.012.475	-	953.761.760
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	887.681.816	4.752.142.070	4.686.062.128	2	953.761.760

15. Chi phí phải trả

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	473.746.047	5.107.880.106
- Chi phí lãi vay	60.000.000	630.108.065
- Trích trước chi phí kiểm toán	-	100.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	3.700.000.000
- Lãi trái phiếu dự trả	113.995.993	175.000.000
- Các khoản trích trước khác	299.750.054	502.772.041
b. Dài hạn	-	-
Cộng	473.746.047	5.107.880.106

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	2.678.495.732	1.352.492.998
- Kinh phí công đoàn	7.004.210	276.055.561
- Bảo hiểm xã hội	66.359.435	-
- Bảo hiểm y tế	10.967.310	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.504.720	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.591.660.057	1.076.437.437
+ Nguyễn Anh Quân	1.880.000.000	-
+ Các đối tượng khác	711.660.057	1.076.437.437
b. Dài hạn	153.132.500	153.132.500
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	153.132.500	153.132.500
Cộng	2.831.628.232	1.505.625.498

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	108.107.951	324.323.861
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	108.107.951	324.323.861
b. Dài hạn	-	-
Cộng	108.107.951	324.323.861

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	85.869.059.228	2.088.590.692.899
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.556.051.877	11.556.051.877
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	97.425.111.105	2.100.146.744.776
Số dư đầu năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	97.425.111.105	2.100.146.744.776
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.910.776.314	1.910.776.314
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	99.335.887.419	2.102.057.521.090

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
Cộng	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>192.484.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>192.484.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Doanh thu bán hàng hoá	585.583.996.355	410.655.471.677
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.545.666.410	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	167.650.000
Cộng	594.129.662.765	410.823.121.677

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chiết khấu thương mại	-	1.178.545
Cộng	-	1.178.545

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	584.074.858.998	398.343.659.875
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và hoạt động khác	744.147.282	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.482.041.612)	-
Cộng	583.336.964.668	398.343.659.875

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
04. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.335.605	1.319.906
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.514.640.280
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.500.000.000	-
Cộng	3.501.335.605	2.515.960.186
05. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	13.676.362.115	2.187.638.488
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(7.354.770.699)	(629.926.304)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	31.382	-
Cộng	6.321.622.798	1.557.712.184
06. Thu nhập khác		
- Tiền thưởng, hỗ trợ	22.633.861	58.412.460
- Xử lý công nợ không phải trả	2.434.920.196	20.200
- Các khoản khác	53.850.109	37.196.000
Cộng	2.511.404.166	95.628.660
07. Chi phí khác		
- Chi phí lãi vay năm trước	56.656.849	-
- Các khoản khác	665.252	188.100
Cộng	57.322.101	188.100
08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	8.215.317.001	4.643.175.042
- Chi phí nhân viên quản lý	5.608.848.567	3.079.688.643
- Chi phí đồ dùng văn phòng	22.689.289	9.086.671
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.730.550	-
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	1.330.839	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.188.093.931	398.162.451
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.383.623.825	1.153.237.277
b. Chi phí bán hàng phát sinh	300.399.654	2.112.284.737
- Chi phí nhân viên	281.401.089	1.107.087.475
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.658.180	5.988.180
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.997.120	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.176.597	983.528.534
- Chi phí khác bằng tiền	166.668	15.680.548
Cộng	8.515.716.655	6.755.459.779

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	7.607.592.821	4.186.776.118
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.727.670	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.779.427.915	27.182.334.787
- Chi phí khác bằng tiền	1.456.777.957	1.210.729.950
- Chi phí dự phòng	1.330.839	-
Cộng	14.858.857.202	32.579.840.855

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>260.770.000</i>	<i>260.770.000</i>
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh- Phó Tổng Giám đốc	260.770.000	260.770.000
Cộng nợ phải trả	640.770.000	260.770.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	1.518.300.000	1.562.500.000
Cộng	1.518.300.000	1.562.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng, thù lao
Năm nay		
Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch HĐQT	363.800.000
Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên HĐQT	151.400.000
Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022	522.700.000
Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	217.400.000
Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	263.000.000
Cộng		1.518.300.000

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng, thù lao
Năm trước		
Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch HĐQT	394.100.000
Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên HĐQT	164.000.000
Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	520.200.000
Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	235.500.000
Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	248.700.000
Cộng		1.562.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con và các công ty liên kết. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	Khoản đầu tư khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty là cổ đông chiếm 47,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
Góp vốn	26.516.000.000	98.265.000.000
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	390.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	6.355.000.000	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	17.411.000.000	90.000.000.000
- Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	2.750.000.000	8.015.000.000
- Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	-	250.000.000
Thu tiền từ lợi nhuận Công ty liên kết	3.500.000.000	-
- Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	3.500.000.000	-
Vốn góp hoàn tất thủ tục	390.000.000.000	90.250.000.000
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	390.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	-	90.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	-	250.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác ngắn hạn	48.418.350.000	39.313.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	33.828.350.000	27.473.350.000
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	11.822.000.000	9.072.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Đông Á Golden Square	2.767.000.000	2.767.000.000
Phải thu khác dài hạn	67.842.230.000	50.431.230.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	67.842.230.000	50.431.230.000
Cộng nợ phải thu	116.260.580.000	89.744.580.000
Phải trả người bán ngắn hạn	17.456.359.860	17.456.359.860
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	17.456.359.860	17.456.359.860
Cộng nợ phải trả	17.456.359.860	17.456.359.860

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê xe ô tô và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại: Bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực xây dựng: Hoạt động xây dựng;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2022					<i>Đơn vị tính: VND</i>
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	585.583.996.355	8.545.666.410	-	3.500.000.000	597.629.662.765
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	604.464.410.837	1.063.328.378	-	(7.354.770.699)	598.172.968.516
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(18.880.414.482)	7.482.338.032	-	10.854.770.699	(543.305.751)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.422.233.852	20.755.239	-	-	1.442.989.091
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.356.578	136.544	-	-	9.493.122
Số dư tại ngày 30/6/2022					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	196.656.793.374	2.186.284.936	13.652.969.596	2.879.455.710.094	3.091.951.758.000
- Tài sản không phân bổ				865.531.569	865.531.569
Tổng tài sản	196.656.793.374	2.186.284.936	13.652.969.596	2.880.321.241.663	3.092.817.289.569
- Nợ phải trả bộ phận	781.400.536.203	11.403.297.147	-	197.240.416.669	990.044.250.019
- Nợ phải trả không phân bổ				715.518.460	715.518.460
Tổng nợ phải trả	781.400.536.203	11.403.297.147	-	197.955.935.129	990.759.768.479

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	410.348.077.222	306.215.910	167.650.000	2.514.640.280	413.336.583.412
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	407.083.736.995	198.052.241	3.649.000	(629.926.304)	406.655.511.932
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.264.340.227	108.163.669	164.001.000	3.144.566.584	6.681.071.480
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	705.225.612	526.264	288.124	-	706.040.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	118.957.536	88.770	48.601	-	119.094.907
Số dư tại ngày 30/6/2021					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	456.811.679.183	286.132.782	33.414.403.446	1.923.993.350.461	2.414.505.565.872
- Tài sản không phân bổ					213.029.940
Tổng tài sản	456.811.679.183	286.132.782	33.414.403.446	1.923.993.350.461	2.414.718.595.812
- Nợ phải trả bộ phận	122.179.493.711	91.174.559	49.917.115	196.315.416.667	318.636.002.052
- Nợ phải trả không phân bổ					715.518.460
Tổng nợ phải trả	122.179.493.711	91.174.559	49.917.115	196.315.416.667	319.351.520.512

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Đơn vị tính: VND Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	139.770.178.515	-	-	139.770.178.515
Vay và nợ	130.218.741.209	197.240.416.669	-	327.459.157.878
Chi phí phải trả	473.746.047	-	-	473.746.047
Các khoản phải trả khác	2.591.660.057	-	-	2.591.660.057
Cộng	273.054.325.828	197.240.416.669	-	470.294.742.497
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	97.329.181.248	-	-	97.329.181.248
Vay và nợ	81.754.861.656	196.315.416.667	-	278.070.278.323
Chi phí phải trả	5.107.880.106	-	-	5.107.880.106
Các khoản phải trả khác	1.076.437.437	-	-	1.076.437.437
Cộng	185.268.360.447	196.315.416.667	-	381.583.777.114

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc và số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 của công ty chưa được soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Tươi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Mỹ